

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HS-ST
Ngày: 08-05-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Bà Trần Thị Ngọc Dung
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Sơn Thanh Huyền
Ông Nguyễn Trung Du

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long tham gia phiên toà: Ông Phạm Trung Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 05 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2026/TLST-HS ngày 16/03/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST-HS ngày 01/04/2026 đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 10 tháng 05 năm 1991 tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị C; Bị cáo có chồng tên Đặng Văn T1 và 03 người con: lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2023.

-Tiền án: 06 tiền án.

Ngày 22/3/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm (nay là TAND khu vực 4 – Vĩnh Long) xử phạt 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo bản án số 06/2019/HS-ST;

Ngày 09/6/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm (nay là TAND khu vực 4 – Vĩnh Long) xử phạt 04 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo bản án số 27/2022/HS-ST;

Ngày 31/5/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm (nay là TAND khu vực 4 – Vĩnh Long) tổng hợp hình phạt xử phạt 03 năm 10 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo bản án số 28/2023/HS-ST;

Ngày 25/6/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm (nay là TAND khu vực 4 – Vĩnh Long) tổng hợp hình phạt xử phạt 07 năm 10 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo bản án số 33/2024/HS-ST.

Ngày 09/12/2025 bị Tòa án nhân dân khu vực 4- Vĩnh Long xử phạt 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt là 08 năm 07 tháng tù theo bản án số 54/2025/HS-ST;

Ngày 27/03/2026 bị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long xử phạt 06 tháng tù về tội Đánh bạc, tổng hợp hình phạt là 09 năm 01 tháng tù theo bản án số 18/2026/HS-ST.

- Tiền sự: 01 tiền sự;

Ngày 17/9/2024 bị Công an xã T (nay là xã T), tỉnh Vĩnh Long xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc tại quyết định số 005155/QĐ-XPHC, bị cáo chưa nộp phạt.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù từ ngày 23/03/2026 cho đến nay tại Phân trại tạm giam Trung Thành thuộc Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh V theo Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2025/HS-ST ngày 09/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Kiều Tuyết P, sinh năm 1971 (có mặt).

Nơi ĐKKHTT: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: ấp Q, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:* Chị Lê Thị Cẩm T2, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Trú tại: ấp Q, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T đã bị Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Vĩnh Long kết án, tổng hợp hình phạt 08 năm 07 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đang tại ngoại chờ chấp hành án. Vào khoảng 13 giờ 15 phút ngày 18/11/2025, bị cáo Nguyễn Thị Hồng T đến tiệm B tại ấp Q, xã H, tỉnh Vĩnh Long của bà Kiều Tuyết P để mua thuốc lá, cà phê, thẻ cào nạp điện thoại và thuốc xịt muỗi. Bà P để điện thoại nhãn hiệu ViVo Y19s, màu trắng trên tủ kính nơi để bánh kẹo rồi đi lấy hàng hóa bán cho bị cáo T. Bà P lấy đủ hàng hóa thì bị cáo T thẩm không có tiền trả nên bà P không giao, bị cáo T điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) bỏ đi. Một lúc sau, bà P phát hiện điện thoại bị mất, xem lại camera thì phát hiện trong lúc bà P lấy hàng hóa thì bị cáo T đã lấy trộm điện thoại. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, bà P đến Công an xã H trình báo sự việc. Công an xã H kiểm tra hình ảnh người phụ nữ thực hiện hành vi lấy trộm điện thoại trong đoạn camera được trích xuất, đúng là bị cáo Nguyễn Thị Hồng T. Tiến hành làm việc thì bị cáo T thừa nhận đã lấy trộm điện thoại vào lúc 13 giờ 23 phút ngày 18/11/2025 của bà Kiều Tuyết P, do không mở được mặt khóa điện thoại, sợ điện thoại có cài định vị sẽ bị phát hiện nên bị cáo T đã ném bỏ điện thoại ở lề

đường thuộc ấp R, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Công an xã H tổ chức truy tìm nhưng không tìm thấy.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 27/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã H kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo Y19s, màu trắng đã qua sử dụng có giá trị thành tiền đến ngày 18/11/2025 là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số: 06/CT- VKSKV4 ngày 05 tháng 03 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, 38, 56 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T mức án từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù. Đề nghị tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự số 18/2026/HS-ST ngày 27/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 đã tổng hợp hình phạt đối với bị cáo là 09 năm 01 tháng tù. Đề nghị buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung mức án từ 09 năm 10 tháng đến 10 năm 01 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, các đồ vật gồm: 01 nón bảo hiểm màu trắng có viền màu hồng, dạng nón kết; 01 áo khoát kiểu dáng nữ màu xanh, áo dài tay, có nón trùm đầu, chất liệu vải thun; 01 bộ đồ bộ quần lửng chất liệu vải ton, màu trắng, có nhiều hoa văn màu đen, do bị cáo từ chối việc nhận lại tài sản, đề nghị tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 đĩa CD chứa đựng hai đoạn video ghi lại hành ảnh lấy điện thoại được trích xuất từ camera tại tiệm tạm hóa đã được đưa vào hồ sơ vụ án đề nghị tiếp tục lưu trữ.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Kiều Tuyết P số tiền 1.400.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng T nộp số tiền 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại Kiều Tuyết P yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo Y19s là 1.400.000đ. Bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý bồi thường giá trị điện thoại cho bị hại là 1.400.000đ. Lời nói sau cùng của bị cáo T là biết lỗi, gia đình bị cáo khó khăn con còn nhỏ, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Hồng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 13 giờ 15 phút ngày 18/11/2025 bị cáo T đi đến tiệm tạp hóa của bà Kiều Tuyết P tại ấp Q, xã H, tỉnh Vĩnh Long, lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo Y19s có giá trị thành tiền là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm ngàn đồng).

[3] Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

[4] Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thị Hồng T lấy trộm tài sản có giá trị thành tiền dưới 2.000.000 đ nhưng bị cáo đã bị kết án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự, bị cáo chưa được xóa án tích, đây là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ mục đích tư lợi cá nhân. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và giáo dục phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường giá trị 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo Y19s 01 cho bà P số tiền 1.400.000đ nên ghi nhận sự tự nguyện này.

[6] Về xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo T 01 nón bảo hiểm màu trắng có viền màu hồng, dạng nón kết; 01 áo khoát kiểu dáng nữ màu xanh, áo dài tay, có nón trùm đầu, chất liệu vải thun; 01 bộ đồ bộ quần lửng chất liệu vải ton, màu trắng, có nhiều hoa văn màu đen do đây là tài sản của cá nhân bị cáo. Tiếp tục lưu trữ hồ sơ vụ án 01 đĩa CD chứa đựng hai đoạn video ghi lại hành ảnh lấy điện thoại được trích xuất từ camera tại tiệm tạm hóa của bà P.

[7] Về án phí: Bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T 09 (chín) tháng tù;

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tổng hợp hình phạt 09 (chín) năm 01(một) tháng tù về các tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Đánh bạc theo Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 27/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long; buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/03/2026.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 3 Điều 106 .

Trả lại bị cáo Nguyễn Thị Hồng T 01(một) nón bảo hiểm màu trắng có viền màu hồng, dạng nón kết; 01(một) áo khoát kiểu dáng nữ màu xanh, áo dài tay, có nón trùm đầu, chất liệu vải thun; 01(một) bộ đồ bộ quần lửng chất liệu vải ton, màu trắng, có nhiều hoa văn màu đen.

(Các vật chứng nêu trên hiện do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Vĩnh Long quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/04/2026).

Tiếp tục lưu trữ hồ sơ vụ án 01 đĩa CD chứa đựng hai đoạn video ghi lại hành ảnh lấy điện thoại được trích xuất từ camera tại tiệm tạm hóa của bà Kiều Tuyết P.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phải bồi thường cho bị hại Kiều Tuyết P giá trị 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu ViVo Y19s bằng số tiền là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, 26 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long
- CA tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo
- Các đương sự

Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Ngọc Dung

